



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 15/01/2025 (Wednesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3	20:21	00:00	↗
3.9	01:00	04:15	↘
0.3	08:38	12:30	↗
3.8	16:08	19:30	↘
2.8	20:59	00:30	↗
3.9	01:45	05:00	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	N.Cường	ULSAN VOYAGER	10.8	196	27,828	P/s3 - CL6	01:00	// 03.00Cano DL	A1-A5
2	N.Thanh - Kiên	HALLEY	10.8	211	26,833	P/s3 - BP7	00:00	Thả neo; tăng cường dây	A6-A9
3	Quyết	ZHONG GU NAN HAI	7.9	172	18,490	P/s3 - CL4	16:30	// 20.00	A1-A2
4	Đào	RUI NENG 6	3.4	110	4,831	P/s1 - CL1	14:30	// 17.30	A2-08
5	Q.Hung - Anh	OPTIMA	7.8	146	9,963	P/s3 - CL2	14:30	// 17.30	A2-08
6	Đặng	MAERSK NUSSFJORD	8.5	172	25,805	P/s3 - CL C	09:00	// 12.00	A1-A3
7	P.Hải	MILD JASMINE	9.7	172	18,166	P/s3 - CL5	15:00	// 18.00	A1-A3
8	Hà - Tân	BF TIGER	10.9	223	28,592	P/s3 - CL6	16:30	// 20.00	A6-A9
9	V.Tùng	WAN HAI 286	10.3	175	20,924	P/s3 - CL7	16:00	// 19.30	A2-A5
10	Khái	MAERSK VARNA	10.6	180	20,927	P/s3 - CL7	22:00	// 01.00	A1-A2
11	P.Cân	XIN MING ZHOU 98	9.7	172	18,460	P/s3 - CL C	15:30	// 18.30	A1-A3
12	Đ.Long - N.Chiến	NYK ISABEL	10.3	210	27,003	P/s3 - CL3	20:00	// 23.30	A1-A5
13	Nhật - V.Hải	ARICA BRIDGE	9.4	200	27,094	P/s3 - BP7	22:00	Chờ cầu	A6-A9
14	Thịnh	SITC QIUMING	11.2	186	29,232	P/s3 - CL5	23:30	// 02.30,y/c MP	A1-A9
15	A.Tuấn	MAERSK VIGO	10.5	176	18,326	P/s3 - CL1	20:00	// 23.30	A2-A6
16	Chính	CUL HAIPHONG	8.2	140	9,280	P/s1 - CL C	22:30	// 01.30, ttx	A3-08
17	M.Hải	LAKE CASTLE	6.2	109	3,696	P/S - CR	08:00	QTCR	
18	T.Hiến	POS HOCHIMINH	9.5	173	18,085	P/s3 - CL4	01:00	//2300	A2-SG96
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Toản - Quân	CSCL BOHAI SEA	11.5	335.3	116,603	CM4 - P/s3	15:00	MT; VTX	A10-ST2-SF2

2	Đức	BACH	12.2	231	35,991	P/s3 - CM4	15:00	Y/c MP; VTX	A10-SF2
3	N.Tuấn - P.Hung	SEASPAN ADONIS	12.8	333	106,154	P/s3 - CM2	14:30	Y/c MP; VTX	MR-KS
4	Trung	HANNAH SCHULTE	10.6	210	26,671	P/s3 - CM4	16:00	Y/c MP; VTX	A10-SF2
5	M.Tùng - Sơn	YM WELLHEAD	13	368	144,651	CM3 - P/s3	01:00	MP; DL	MR-KS- AWA
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	K.Toàn	EVER WIZ	8.3	172	27,145	CL4 - P/s3	04:30	LT	A2-A5
2	P.Thành	SITC SHENGDE	9.3	172	18,820	CL7 - P/s3	02:00	LT	A1-A5
3	N.Minh	TAICHUNG	8	184	16,705	TCHP - H25	03:30	Cano DL; SR	A3-12
4	N.Dũng - Diệu	WAN HAI 316	9.2	213	27,800	CL5 - P/s3	11:00	hông CV mũi; LT	A6-A9
5	Hồng - V.Hoàng	HALLEY	10	211	26,833	CL5 - P/s3	18:30	Cano DL	A6-A9
6	B.Long	UNI POPULAR	6.7	182	17,887	CL1 - P/s3	17:30	Cano DL	A2-A5
7	T.Tùng	SM JAKARTA	8.3	168	16,850	CL C - P/s3	12:00	LT	A1-A3
8	Giang	SITC HOCHIMINH	7.8	143	9,734	TCHP - H25	12:30	SR	01-12
9	P.Thùy - N.Trường	POS HOCHIMINH	8.6	173	18,085	CL4 - P/s1	20:00	ttx	A2-SG96
10	Phú - Quang	ULSAN VOYAGER	10.8	196	27,828	CL6 - P/s3	19:30	Cano DL	A6-A9
11	Đ.Minh	OPTIMA	7.8	146	9,963	CL2 - P/s1	23:30	ttx	A2-08
12	Quyển	RUI NENG 6	3.1	110	4,831	CL1 - P/s1	23:00	ttx	A2-08
13	Nghị - M.Cường	MAERSK NUSSFJORD	7.4	172	25,805	CL C - P/s1	18:30	ttx	A1-A3
14	Th.Hùng	EVER CONNECT	8	172	18,658	CL7 - P/s1	19:00	ttx	A6-SG96
15	Đ.Chiến - N.Hiến	BUXMELODY	10.5	216	28,050	CL3 - P/s3	23:00	Cano DL	A1-A2
16	N.Chiến	IMKE SCHEPERS	7.3	155	9,056	CL1 - P/s3	01:30		A6-08
17	A.Tuấn - Chính	MIYUNHE	9.9	183	16,738	CL C - P/s3	00:00	DL	A1-A3
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	H.Trường	HALLEY	10.8	211	26,833	BP7 - CL5	11:00	, Shifting, ĐX	A6-A9